

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29 -11- 2018

V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Diễm Hương

2. Ông Nguyễn Văn Vệ

- Thư ký phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Kim Khuyên

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lương Kim Y (tên thường gọi là T), sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số nhà 602, tổ 77, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số nhà 602, tổ 77, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (anh H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lương Kim Y (tên thường gọi là T) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/10/2002.

Thời gian vợ chồng sống chung với nhau không hạnh phúc, đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Lý do chị Y chơi đánh bạc, vợ chồng có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Chị Y không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng

với anh H và yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung tên

1. Nguyễn Thanh Như N, sinh ngày 19/9/1995, con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nguyễn Thanh Kim T, sinh ngày 16/02/1997, con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Nguyễn Thanh Tài L, sinh ngày 12/11/2008, hiện nay đang sống chung với anh H.

4. Nguyễn Thanh Ngọc I, sinh ngày 10/12/2014, hiện nay đang sống chung với chị Y.

Khi ly hôn chị Y đồng ý anh H được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thanh Tài L, sinh ngày 12/11/2008, chị Y không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Tài L. Chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thanh Ngọc I, sinh ngày 10/12/2014, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu I.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số tiền 115.000.000 đồng và 12 chỉ vàng 18kr vàng nữ trang, chị Y xác định không có, nên không đồng ý chia theo yêu cầu của anh H.

Đối với diện tích 80m² đất, không nhớ số thửa, tờ bản đồ, tại khóm M, phường 3, thành phố C là tài sản chung của vợ chồng do chị Y, anh H đứng tên quyền sử dụng đất nhưng hiện nay đang thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố C để đảm bảo nghĩa vụ vay tiền của ông Phạm Thanh T, địa chỉ không biết số nhà, đường 30/4, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Hiện nay vợ chồng đang quản lý diện tích đất này, không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng.

Tài sản riêng: Đối với diện tích 4,8m, dài khoảng 35m, không nhớ diện tích, tờ bản đồ, tọa lạc tại số 602, đường C, khóm M, phường 3, thành phố C do chị Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không nhớ ngày tháng năm cấp giấy, vợ chồng đã thế chấp Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố C để đảm bảo nghĩa vụ vay tiền cho ông Phạm Thanh T, địa chỉ không biết số nhà, đường 30/4, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, trên đất có căn nhà, hiện nay anh H đang quản lý sử dụng. Đây là tài sản riêng của chị Y, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất lời trình bày của chị Y về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/10/2002.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do chị Y có quan hệ với người đàn ông khác, anh H không yêu cầu xử lý vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng của chị Y. Anh H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Y nhưng anh H không đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung tên:

1. Nguyễn Thanh Như N, sinh ngày 19/9/1995, con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
2. Nguyễn Thanh Kim T, sinh ngày 16/02/1997, con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Nguyễn Thanh Tài L, sinh ngày 12/11/2008, hiện nay đang sống chung với anh Hải.
4. Nguyễn Thanh Ngọc I, sinh ngày 10/12/2014, hiện nay đang sống chung với anh H.

Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung tên Tài L và Ngọc I, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm: Số tiền 115.000.000 đồng và 12 chỉ vàng 18kr vàng nữ trang, hiện nay chị Y đang quản lý. Anh H yêu cầu được sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản nêu trên là 75.000.000 đồng và đồng ý chị Y được sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản nêu trên là 75.000.000 đồng.

Đối với diện tích đất 80m², không nhớ sổ thừa, tờ bản đồ, tại khóm M, phường 3, thành phố Cao Lãnh và diện tích chiều ngang 4,8m, dài khoảng 35m, không nhớ diện tích, tờ bản đồ, tọa lạc tại số 602, đường C, khóm M, phường 3, thành phố C do chị Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không nhớ ngày tháng năm cấp giấy. Vợ chồng đã thế chấp cho Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố C để đảm bảo nghĩa vụ vay tiền cho ông Phạm Thanh T, địa chỉ không biết số nhà, đường 30/4, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, trên đất có căn nhà, hiện nay anh H đang quản lý sử dụng. Đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra, vợ chồng còn có các tài sản chung khác nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Lương Kim Y và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Nguyễn Thanh H có địa chỉ tại phường 3, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị, vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Y theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ triệu tập anh Nguyễn Thanh H đến tham gia phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính

đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trích lục kết hôn (bản sao) số 147/TLKH-BS ngày 03/5/2018, Trích lục khai sinh (bản sao) số 145/TLKS-BS ngày 03/5/2018 của con Nguyễn Thanh Kim T, sinh ngày 16/02/1997, Trích lục khai sinh (bản sao) số 146/TLKS-BS ngày 03/5/2018 của con Nguyễn Thanh Như N, sinh ngày 19/9/1995 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang đều thể hiện chị Lương Kim Y sinh năm 1975 và anh Nguyễn Thanh H sinh năm 1975. Tuy nhiên, Trích lục khai sinh (bản sao) số 357-TLKS-BS ngày 28/9/2016 con chung tên Nguyễn Thanh Ngọc I, sinh ngày 10/12/2014 của Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố C thể hiện chị Lương Kim Y sinh năm 1976 và anh Nguyễn Thanh H sinh năm 1975. Đối với Trích lục khai sinh (bản sao) của con chung tên Nguyễn Thanh Tài L, không thể hiện năm sinh của chị Y và anh H.

Ngày 24/5/2018 Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang có xác nhận chị Lương Kim Y sinh năm 1975 và chị Lương Kim Y sinh năm 1976 trên các giấy chứng nhận kết hôn số 147/TLKH-BS, giấy khai sinh số 146/TLKS-BS và giấy khai sinh số 147/TLKS-BS là cùng một người phù hợp với giấy chứng minh nhân dân của Công an Đồng Tháp cấp ngày 28/3/2014 và sổ hộ khẩu số 200024172 của Công an thành phố Cao Lãnh cấp ngày 25/02/2008 thể hiện chị Lương Kim Y sinh năm 1976.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y, anh H kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/10/2002 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Y cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do chị Y tham gia đánh bạc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhưng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ năm 2016 đến nay. Anh H không thống nhất mâu thuẫn như lời trình bày của chị Y mà cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do chị Y có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y, anh H đều thể hiện ý chí không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không nêu được lý do không đồng ý ly hôn với chị Y. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai không mong muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y là phù hợp theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh H không yêu cầu xử lý hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng của chị Y nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nuôi con chung: Chị Y, anh H có bốn con chung gồm:

1. Nguyễn Thanh Như N, sinh ngày 19/9/1995, con đã trưởng thành.
2. Nguyễn Thanh Kim T, sinh ngày 16/02/1997, con đã trưởng thành
3. Nguyễn Thanh Tài L, sinh ngày 12/11/2008, hiện nay đang sống chung

với anh Hải.

4. Nguyễn Thanh Ngọc T, sinh ngày 10/12/2014, hiện nay đang sống chung với anh H.

Tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị Y, anh H đã thỏa thuận thống nhất về con chung như sau:

Đối với con chung tên Nguyễn Thanh Như N và Nguyễn Thanh Kim T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, con chung tên N và T đã trưởng thành, chị Y, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với con chung tên Nguyễn Thanh Tài L và Nguyễn Thanh Ngọc I, hiện đang sống chung với anh H. Chị Y, anh H thống nhất anh H được tiếp tục nuôi hai con chung tên Tài L và Ngọc I.

Việc thỏa thuận giữa chị Y, anh H là phù hợp nguyện vọng của cháu Tài L có nguyện vọng được sống chung với anh H, đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, công nhận sự thỏa thuận của chị Y và anh H. Anh H được tiếp tục nuôi hai con chung tên Tài L.

Tại Tờ tường trình ngày 20/11/2018 chị Y xác định hiện nay chị Y đang nuôi con chung tên Ngọc I, do anh H thường xuyên uống rượu, bia, không quan tâm chăm sóc cho cháu I và yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Ngọc I, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị Y, anh H tự thỏa thuận thay đổi người nuôi con chung, từ khi chị Y nuôi cháu I, anh H cũng không trình bày ý kiến gửi đến Tòa án phản đối việc chị Y nuôi cháu Ngọc I. Cháu Ngọc I là con gái, cần được sự quan tâm chăm sóc của người mẹ để đảm bảo phát triển ổn định về tâm sinh lý của cháu I. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Y, chị Y được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thanh Ngọc I.

Chị Y, anh H không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Tài L và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung tên Ngọc I. Anh H không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung tên Tài L và không có văn bản ghi ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Ngọc I nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung:

Anh H có tranh chấp số tiền 115.000.000 đồng và 12 chỉ vàng 18kr vàng nữ trang, do chị Y đang quản lý. Anh H yêu cầu được sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản nêu trên là 75.000.000 đồng và đồng ý chị Y được sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản nêu trên là 75.000.000 đồng. Chị Y không thừa nhận hiện nay đang quản lý tài sản chung là tiền và vàng như lời trình bày của anh H.

Tòa án đã thông báo số 360/TB-TA ngày 13/8/2018 yêu cầu anh H nộp đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo chứng minh chị Y đang quản lý tiền và vàng nêu trên trong thời hạn 15 ngày. Hết thời gian thông báo, anh H không nộp

đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, trường hợp anh H có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với diện tích đất 80m² và diện tích chiều ngang 4,8m, dài khoảng 35m, tọa lạc tại phường 3, thành phố C, vợ chồng đã thế chấp cho Agribank Chi nhánh thành phố C để đảm bảo nghĩa vụ vay tiền cho ông Phạm Thanh T. Tòa án đã thông báo cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam nộp đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo nhưng hết thời gian thông báo ngân hàng không khởi kiện và có văn bản ý kiến ngày 31/10/2018 xác định: Hiện nay ông Nguyễn Thanh H và Lương Kim Y, hiện cư trú tại số 602, tổ 77, khóm M, phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, không còn quan hệ vay vốn nên Ngân hàng không giữ tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đất có căn nhà của ông Nguyễn Thanh H. Do đó, Ngân hàng không có liên quan đến vụ án ly hôn giữa ông H và bà Y.

Do chị Y, anh H không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất nêu trên, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam không có tranh chấp về hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với các tài sản chung khác, chị Y, anh H không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị Y, anh H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Kim Y.

Chị Lương Kim Y được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung:

Nguyễn Thanh Như N, sinh ngày 19/9/1995 và Nguyễn Thanh Kim T, sinh ngày 16/02/1997, con đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Lương Kim Y và anh Nguyễn Thanh H.

Anh Nguyễn Thanh H được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thanh Tài L, sinh ngày 12/11/2008, hiện nay đang sống chung với anh H.

Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Kim Y.

Chị Lương Kim Y được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thanh Ngọc I, sinh ngày 10/12/2014, hiện nay đang sống chung với chị Y.

Hai bên có quyền thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cấm.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc I và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Tài L. Anh H không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi Tài L và không có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi Ngọc I.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lương Kim Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng phí theo Biên lai thu số 0003457 ngày 15/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị Y đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKSTPCL;
- UBND xã Bình Phước Xuân
- Chợ Mới, An Giang;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Kim Oanh